

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2019.

V/v: “Ly hôn và quyền nuôi con
giữa bà S và ông H”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Minh Thọ

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Dĩ Ly Đan – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số số: 832/2018/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc “*ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm: 1977. Địa chỉ: thôn T 5, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*

Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm: 1973. Địa chỉ: thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có tại hồ sơ bà Lê Thị S trình bày: Bà và ông Trần Văn H chung sống với nhau và tổ chức lễ cưới năm 1998 nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thành phố Đ , hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình chồng tại thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng không hòa thuận hạnh phúc ngay từ khi mới kết hôn, nguyên nhân do ông Trần Văn H thường xuyên uống rượu say về chửi bới đánh đập bà, mặc dù vậy bà vẫn cố

gắng chịu đựng vì con nhưng đến năm 2010 do không thể chịu đựng được nữa nên bà đã đưa con về sống với bố mẹ đẻ bà tại Quảng Bình và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Trần Văn H, tình cảm vợ chồng cũng không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông Trần Văn H ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị Như A, sinh ngày 07/9/1999 (đã trưởng thành), Trần Huyền T, sinh ngày 14/10/2001 và Trần Bình L, sinh ngày 07/3/2005. Hiện các con đang ở với bà nên ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung chưa thành niên và yêu cầu ông Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng (mỗi con 1.000.000đ) cho đến khi các con đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà L phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, của những người tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị S, cho ly hôn giữa bà Lê Thị S và ông Trần Văn H. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Huyền T, sinh ngày 14/10/2001 và Trần Bình L, sinh ngày 07/3/2005 chưa thành niên cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: C chấp nhận yêu cầu của bà S, buộc ông H cấp dưỡng nuôi con tên Trần Huyền T, sinh ngày 14/10/2001 và Trần Bình L, sinh ngày 07/3/2005 mỗi con mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2019 cho đến khi con thành niên. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt, và ông Trần Văn H được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị S yêu cầu ly hôn ông Trần Văn H và yêu cầu nuôi con, ông Trần Văn H có địa chỉ: thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp là “*ly hôn và quyền nuôi con chung*”, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà Lê Thị S và ông Trần Văn H chung sống với nhau và tổ chức lễ cưới năm 1998 nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng hôn nhân tự nguyện, nên quan hệ hôn nhân trên là hợp pháp. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc

ngày từ khi về sống chung phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân theo bà Lê Thị S trình bày do ông Trần Văn H thường xuyên ồng rượu say về chửi bới đánh đập bà. Nay bà Lê Thị S xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H. Ông Trần Văn H được Tòa án triệu tập nhưng không có mặt để trình bày ý kiến là thể hiện không tha thiết và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Lê Thị S. Qua xác minh tại địa phương được biết ông Trần Văn H và bà Lê Thị S trước đây sống tại xã X, thành phố Đ nhưng từ năm 2010 hai bên không còn chung sống với nhau, bà Lê Thị S và các con về quê bà Lê Thị S. Với thực trạng của quan hệ hôn nhân trên thể hiện tình cảm vợ chồng giữa bà Lê Thị S và ông Trần Văn H không còn, yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị S là có căn cứ. Vì vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Sáu, cho ly hôn giữa bà Lê Thị S và ông Trần Văn H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Thị Như A, sinh ngày 07/9/1999 (đã trưởng thành), Trần Huyền T, sinh ngày 14/10/2001 và Trần Bình L, sinh ngày 07/3/2005. Hiện các con đang ở với bà Lê Thị S, Tòa án lấy lời khai các cháu Trần Huyền T, sinh ngày 14/10/2001 và Trần Bình L, sinh ngày 07/3/2005, các cháu có nguyện vọng ở với mẹ nên giao hai con cho bà Lê Thị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với qui định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con:

Bà Lê Thị S yêu cầu ông Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên Trần Huyền T, sinh ngày 14/10/2001 và Trần Bình L, sinh ngày 07/3/2005 mỗi con 1.000.000đ/tháng cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, mức cấp dưỡng bà Lê Thị S yêu cầu ông Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con phù hợp với chi phí thực tế để cùng nuôi con, nên yêu cầu của bà Lê Thị S là có căn cứ chấp nhận, buộc ông Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con tên Trần Huyền T, sinh ngày 14/10/2001 và Trần Bình L, sinh ngày 07/3/2005 mỗi con mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2019 cho đến khi con thành niên.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị S không có tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về án phí: Bà Lê Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Ông Trần Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị S yêu cầu ly hôn ông Trần Văn H. Cho ly hôn giữa bà Lê Thị S và ông Trần Văn H.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Trần Huyền T, sinh ngày 14/10/2001 và Trần Bình L, sinh ngày 07/3/2005 cho bà Lê Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con tên Trần Huyền T, sinh ngày 14/10/2001 và Trần Bình L, sinh ngày 07/3/2005 mỗi con mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tình từ tháng 6/2019 cho đến khi con thành niên.

Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trừ trường hợp pháp luật có qui định khác.

5. Về án phí: Bà Lê Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà Lê Thị S đã nộp theo biên lai thu số 0011726 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

Ông Trần Văn H phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết, các đương sự được quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tp.Đ;
- UBND xã X T.Tp.Đ
- Chi cục THADS tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đoàn Thị Tuyết Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán Chủ Tọa phiên Tòa

Trương Minh Thọ- Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Đoàn Thị Tuyết Nga

